SARC

Bản Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường năm học 2024-25

Ấn hành trong năm học 2025-26

Trường Trung học Garden Grove

11271 Stanford Avenue Garden Grove, CA 92840 ▪ www.gghs.us

Mary Jane Hibbard, Hiệu trưởng ▪ mhibbard@ggusd.us ▪ (714) 663-6115

Các lớp 9-12 ▪ Mã số CDS 30-66522-3032752

Khu Học Chánh Garden Grove

10331 Stanford Avenue Garden Grove, CA 92840 ▪ www.ggusd.us

Gabriela Mafi, Ed.D., Tổng Quản trị Khu Học chánh ▪ gmafi@ggusd.us ▪ (714) 663-6000

Giới thiệu về trường

Trường Trung học Garden Grove là một trong gần 70 trường trong Khu Học Chánh Garden Grove, dạy học sinh từ lớp 9 đến lớp 12 đến từ các thành phố Garden Grove và Anaheim. Sự lãnh đạo giỏi là điều cần thiết trong một trường có phẩm chất và ở Trường Trung học Garden Grove có hiệu trưởng Mary Jane Hibbard, là một nhà giáo dục chuyên nghiệp trong 31 năm. Bà được bổ nhiệm làm hiệu trưởng của trường vào năm 2023.

Sự tham gia của phụ huynh

Có rất nhiều cơ hội trong khu học chánh để phụ huynh tham dự thông qua việc tham gia vào các hội phụ huynh hỗ trợ, hội cổ động cho học sinh, hội đồng nhà trường, và các uỷ ban cố vấn cấp khu học chánh.

Phụ huynh tham gia các buổi hội thảo hướng dẫn phụ huynh, Uỷ ban Cựu Học sinh (Alumni Committee), Uỷ ban Cố vấn Chương trình học Anh ngữ (ELAC), Hội đồng Nhà trường (SSC), đêm gặp gỡ dịp tựu trường (Back-to-School), đêm hướng dẫn về phiếu điểm (Report Card Night), chương trình giúp học sinh chấn chỉnh việc học (Back-on-Track), uỷ ban tổ chức lễ tốt nghiệp (Grad Night Committee), đêm hướng dẫn phụ huynh học sinh lớp 8 (Eight-Grade Parent Night), các đêm hướng dẫn thông tin về đại học (College Nights), các buổi hướng dẫn về trợ giúp tài chánh học đại học (Financial-Aid Workshops), các buổi ghi danh, các hội cổ động cho học sinh, và các công tác tình nguyện.

Để biết thêm thông tin về cách tham gia ở trường, vui lòng liên lạc Claire Flores, là thành viên của Hội đồng Nhà trường, ở số (714) 663-6115.

An toàn trường học

Duy trì môi trường an toàn và trật tự là điều cần thiết cho việc học. Tất cả các trường trong khu học chánh đều là các ngôi trường đóng kín, và khách viếng trường phải lập tức ghi tên ở văn phòng trường trước khi vào khuôn viên trường. Việc ra vô trường được ban giám hiệu, giáo viên, cố vấn trường học và nhân viên bảo vệ theo dõi.

Tất cả các trường đều tổ chức các uỷ ban an toàn trường học và duy trì các kế hoạch toàn diện về an toàn trường học mà được xem xét và cập nhật hàng năm vào đầu năm học. Các trường có đến tháng Mười Một năm 2025 để xem xép và cập nhật kế hoạch. Các kế hoạch an toàn bao gồm các yếu tố như kế hoạch và quy trình trong trường hợp khẩn cấp, các cảnh báo của Bộ Nội An, nội quy của trường và quy định về trang phục đến trường.

Các uỷ ban an toàn trường học, gồm có giáo viên và nhân viên hành chánh, họp với nhau để giải quyết các vấn đề về an toàn cho học sinh và nhân viên. Quy trình giữ an toàn khi có động đất được phát cho tất cả học sinh và phụ huynh vào đầu năm học. Các buổi thực tập phòng cháy được tổ chức hàng tháng tại mỗi trường tiểu học, ít nhất một năm bốn lần tại mỗi trường trung cấp, và ít nhất một năm hai lần tại mỗi trường trung học. Các buổi thực tập che núp được tổ chức mỗi ba tháng tại mỗi trường tiểu học và ít nhất mỗi học kỳ một lần tại các trường trung cấp và trung học. Tất cả các trường đều thực tập lệnh đóng kín toàn trường mỗi năm một lần.

Khu học chánh đã chọn Giao thức Ứng phó Tiêu chuẩn (Standard Response Protocol) của tổ chức "I Love U Guys" Foundation để đơn giản hóa các thuật ngữ và giao thức dùng trong các trường hợp khẩn cấp. Giao thức Ứng phó Tiêu chuẩn bao gồm bốn hành động được xác định rõ ràng để thực hiện trong trường hợp khẩn cấp gồm có Giữ an toàn (Secure), Phong tỏa (Lockdown), Sơ tán (Evacuate) và Trú ẩn tại chỗ (Shelter) – mỗi hành động với các hành động cụ thể cho học sinh và người lớn thực hiện.

Vào mùa xuân của năm học 2024-25, khu học chánh đã phân phối bộ dụng cụ phong tỏa trường học trong trường hợp khẩn cấp, bảo đảm rằng mọi phòng học đều được trang bị để quản lý các tình huống mà có thể đòi hỏi học sinh và nhân viên trường phải ở an toàn trong một chỗ trong một khoảng thời gian dài.

Khu học chánh đã mở rộng việc đặt các thiết bị rung tim bên ngoài tự động (Automated External Defibrillators, viết tắt là AEDs) cho tất các trường tiểu học còn lại và các trụ sở khác của khu học chánh mà trước đây chưa có thiết bị. Việc này tăng cường sự chuẩn bị của chúng tôi cho các trường hợp khẩn cấp, bảo đảm rằng nhân viên và học sinh có kịp thời thiết bị cứu mạng trong trường hợp khẩn cấp về tim. Việc bổ sung các thiết bị AEDs phản ánh cam kết không ngừng về an toàn và lập kế hoạch chủ động ứng phó khẩn cấp của khu học chánh.

Là một phần trong cam kết không ngừng về an toàn, khu học chánh tiến hành triển khai SB 553 – là khóa huấn luyện về Kế hoạch phòng chống bạo lực tại nơi làm việc, trên toàn khu học chánh. Khóa huấn luyện này, kéo dài khoảng sáu phút, được thiết kế để hướng dẫn cho tất cả nhân viên về các phương cách ngăn ngừa bạo lực tại nơi làm việc và để bảo đảm biết về các quy trình báo cáo đúng cách. Khóa huấn luyện được kết hợp vào các đòi hỏi thông báo và huấn luyện hàng năm, củng cố cách tiếp cận chủ động của khu học chánh để duy trì môi trường làm việc an toàn và an tâm cho tất cả nhân viên.

Bản Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường

Tuân thủ với quy định của liên bang và tiểu bang, hàng năm tất cả các trường công lập đều phải thực hiện Bản Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường (School Accountability Report Card, viết tắt là SARC) như là công cụ để phụ huynh và những ai quan tâm biết được về sự tiến triển, kết quả thi và thành tích của trường.

Tuyên ngôn Sứ mệnh của Khu Học chánh

Để bảo đảm sự thành công của học sinh, chúng tôi sẽ cung cấp một kinh nghiệm học tập nghiêm ngặt và hỗ trợ nhằm thúc đẩy tất cả học sinh đáp ứng các kỳ vọng cao.

Tuyên bố Viễn kiến của Khu Học chánh

Chúng tôi cam kết chuẩn bị cho tất cả học sinh để trở thành những công dân thành công và có trách nhiệm nhằm đóng góp và thăng tiến trong một xã hội đa dạng.

Hội đồng Giáo dục

Lan Quoc Nguyen, Chủ tịch

Bob Harden, Phó Chủ tịch

Teri Rocco, Thành viên

Dina Nguyen, Thành viên

Walter Muneton, Thành viên

Ghi danh tính theo nhóm

Trường có tổng số 2,148 học sinh ghi danh trong năm học 2024-25. Biểu đồ hình tròn cho thấy tỷ lệ phần trăm học sinh trong mỗi nhóm.

Thành phần học sinh (Năm học 2024-25)

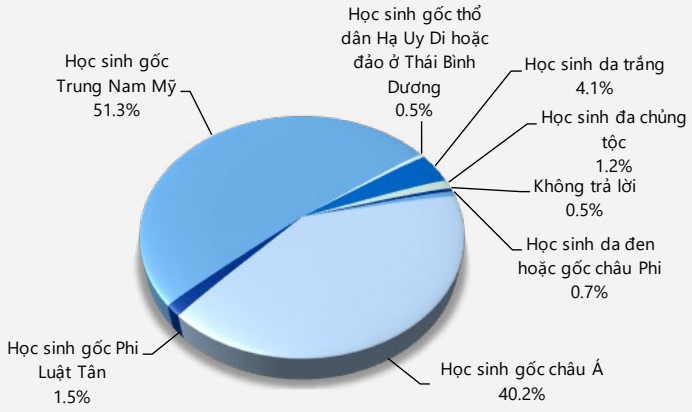

Phân bổ theo sĩ số lớp học

Biểu đồ hình thanh cho thấy dữ kiện trong ba năm về sĩ số trung bình trong lớp, và bảng cho thấy dữ kiện trong ba năm về con số lớp học tính theo sĩ số. Con số lớp học cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi phân loại sĩ số (một khoảng tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở bậc trung học, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.

Sĩ số trung bình trong lớp (Dữ kiện trong ba năm)

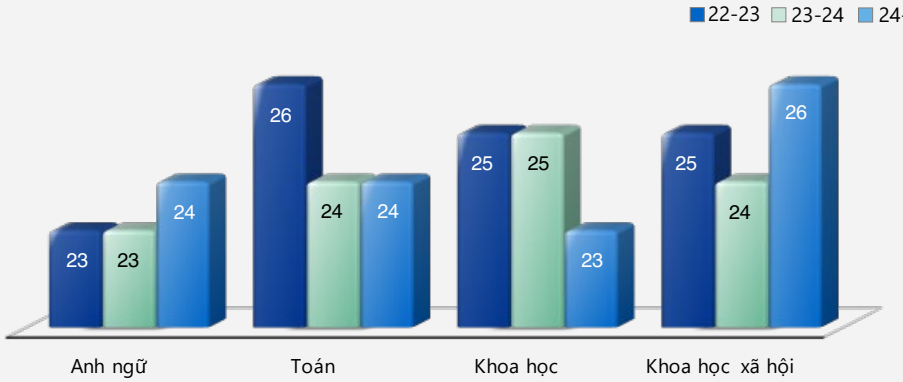

Con số lớp học tính theo sĩ số (Dữ kiện trong ba năm)

Môn học	2022-23			2023-24			2024-25		
	Con số học sinh								
	1-22	23-32	33+	1-22	23-32	33+	1-22	21-32	33+
Anh ngữ	38	63	5	33	61	10	31	65	2
Toán	10	55	12	16	63	2	16	60	4
Khoa học	10	44	4	10	41	4	15	45	1
Khoa học xã hội	14	45	10	17	44	14	15	39	14

Ghi danh tính theo nhóm

Thành phần học sinh	
Năm học 2024-25	
Học sinh nữ	48.90%
Học sinh nam	51.10%
Học sinh không xác định giới tính	0.00%
Học sinh chưa thạo Anh ngữ	18.10%
Học sinh được nhận nuôi	0.40%
Học sinh không nhà	2.50%
Học sinh di cư	0.00%
Học sinh có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế xã hội	83.10%
Học sinh khuyết tật	9.50%

Ghi danh tính theo cấp lớp

Biểu đồ hình thanh cho thấy con số tổng số học sinh ghi danh trong mỗi cấp lớp trong năm học 2024-25.

Ghi danh tính theo cấp lớp

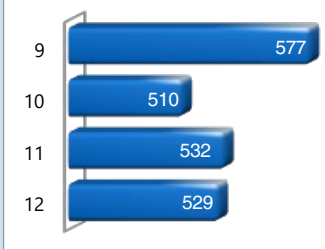

Đình chỉ học và đuổi học

Bảng này cho thấy tỷ lệ học sinh bị đình chỉ học và bị đuổi học ở trường, khu học chánh, và tiểu bang được thu thập từ tháng Bảy đến tháng Sáu, của mỗi năm học trọn năm theo thứ tự. Lưu ý: Học sinh chỉ bị đếm một lần, bất kể số lần bị đình chỉ học.

Tỷ lệ bị đình chỉ học và bị đuổi học (Dữ kiện trong ba năm)

	Trường Trung học Garden Grove			Khu Học Chánh Garden Grove			California		
	22-23	23-24	24-25	22-23	23-24	24-25	22-23	23-24	24-25
Tỷ lệ bị đình chỉ học	4.30%	2.70%	4.50%	3.30%	2.50%	2.70%	3.60%	3.30%	2.90%
Tỷ lệ bị đuổi học	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.10%	0.10%	0.10%

Đình chỉ học và đuổi học tính theo nhóm học sinh

Đình chỉ học và đuổi học tính theo nhóm học sinh (Năm học 2024-25)

Nhóm học sinh	Tỷ lệ bị đình chỉ học	Tỷ lệ bị đuổi học
Tất cả học sinh	4.50%	0.00%
Học sinh nữ	2.50%	0.00%
Học sinh nam	6.40%	0.00%
Học sinh không xác định giới tính	0.00%	0.00%
Học sinh da đỏ hoặc thổ dân Alaska	0.00%	0.00%
Học sinh gốc châu Á	2.00%	0.00%
Học sinh da đen hoặc gốc châu Phi	6.70%	0.00%
Học sinh gốc Phi Luật Tân	3.00%	0.00%
Học sinh gốc Trung Nam Mỹ	6.50%	0.00%
Học sinh thổ dân Hạ Uy Di hoặc gốc đảo Thái Bình Dương	9.10%	0.00%
Học sinh thuộc hai chủng tộc hay nhiều hơn	0.00%	0.00%
Học sinh da trắng	2.20%	0.00%
Học sinh chưa thạo Anh ngữ	6.30%	0.00%
Học sinh được nhận nuôi	0.00%	0.00%
Học sinh không nhà	4.20%	0.00%
Học sinh có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế xã hội	4.90%	0.00%
Học sinh nhận dịch vụ Giáo dục Di cư	0.00%	0.00%
Học sinh khuyết tật	11.20%	0.00%

Các Tiêu chuẩn Nhận vào Đại học University of California (viết tắt là UC) và Đại học California State Univeristy (viết tắt là CSU)

Các tiêu chuẩn nhận vào Đại học UC tuân theo các hướng dẫn được quy định trong Kế hoạch Tổng thể (Master Plan), đòi hỏi rằng một phần tám học sinh tốt nghiệp hàng đầu trung học tiểu bang, cũng như sinh viên chuyển tiếp mà đã hoàn tất các lớp bắt buộc ở bậc cao đẳng, thì đủ điều kiện để được nhận vào Đại học UC. Các tiêu chuẩn này được lập ra để bảo đảm rằng tất cả học sinh đủ điều kiện thì đã được chuẩn bị đầy đủ cho trình độ đại học. Để biết về các tiêu chuẩn nhận vào tổng quát, hãy vào trang thông tin tuyển sinh của UC tại https://admission.universityofcalifornia.edu.

Tiêu chuẩn nhận vào Đại học CSU được quyết định bởi ba yếu tố: (1) Các môn học bắt buộc ở trung học, (2) Điểm trong các môn học bắt buộc và điểm thi, và (3) Tốt nghiệp trung học. Một số trường có tiêu chuẩn cao hơn cho một số ngành học hoặc cho học sinh sống ngoài vùng địa giới của trường. Do con số học sinh nộp đơn, một vài trường còn có tiêu chuẩn cao hơn (tiêu chí nhận vào bổ sung) cho tất cả học sinh nộp đơn. Hầu hết các trường CSU đều có chính sách bảo đảm nhận học sinh địa phương đã tốt nghiệp trung học hoặc chuyển tiếp từ trường đại học cộng đồng mà những trường này đã từng được một trường CSU trong vùng đó đón nhận. Để biết thông tin về việc nhận vào, thủ tục nộp đơn và lệ phí, hãy vào trang mạng của CSU tại https://www2.calstate.edu.

Các môn học để được nhận vào Đại học University of California (UC) và/hoặc Đại học California State University (CSU)

Bảng này cho thấy tỷ lệ phần trăm học sinh trung học ghi danh các môn học bắt buộc để được nhận vào Đại học University of California/Đại học California State University trong năm học 2024-25; và tỷ lệ học sinh tốt nghiệp đã hoàn thành tất cả các môn học bắt buộc để được nhận vào Đại học UC/CSU trong năm học 2024-25. Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy vào http://dq.cde.ca.gov/dataquest.

Nhận vào UC/CSU

Trường Trung học Garden Grove	
Năm học 2024-25	
Tỷ lệ phần trăm học sinh ghi danh các môn học bắt buộc để được nhận vào Đại học UC/CSU	99.39%
Tỷ lệ phần trăm học sinh tốt nghiệp đã hoàn thành tất cả các môn học bắt buộc để được nhận vào Đại học UC/CSU	67.68%

Trắc nghiệm Thể lực của California

Mỗi mùa xuân, tất cả học sinh các lớp 5, 7 và 9 bắt buộc phải tham gia Trắc nghiệm Thể lực của California (PFT). Fitnessgram là trắc nghiệm được Bộ Giáo dục Tiểu bang chỉ định cho học sinh các trường công lập ở California. Khuyến khích và hỗ trợ học sinh tạo thói quen cả đời là vận động thể dục thường xuyên là mục tiêu chính của Fitnessgram. Bảng này cho thấy tỷ lệ phần trăm học sinh tham gia vào mỗi trong số năm thành phần thể lực trong lần kiểm tra gần đây nhất. Để biết thêm thông tin chi tiết về Trắc nghiệm Thể lực của California, vui lòng vào www.cde.ca.gov/ta/tg/pf.

Trắc nghiệm Thể lực của California (Năm học 2024-25)

Tỷ lệ phần trăm học sinh tham gia vào mỗi trong số năm thành phần thể lực

Cấp lớp	Thành phần số 1: Khả năng vận động	Thành phần số 2: Sức mạnh và sức chịu đựng của cơ bụng	Thành phần số 3: Sức mạnh và sự dẻo dai của cơ lưng	Thành phần số 4: Sức mạnh và sức chịu đựng của phần trên cơ thể	Thành phần số 5: Sự dẻo dai
9	92.84%	97.32%	94.81%	97.14%	95.89%

Sự vắng mặt thường xuyên tính theo nhóm học sinh

Sự vắng mặt thường xuyên tính theo nhóm học sinh (Năm học 2024-25)

Nhóm học sinh	Ghi danh tích luỹ	Ghi danh đạt tiêu chuẩn vắng mặt thường xuyên	Con số vắng mặt thường xuyên	Tỷ lệ vắng mặt thường xuyên
Tất cả học sinh	2,243	2,207	287	13.00%
Học sinh nữ	1,096	1,081	145	13.40%
Học sinh nam	1,146	1,125	142	12.60%
Học sinh không xác định giới tính	❖	❖	❖	❖
Học sinh da đỏ hoặc thổ dân Alaska	❖	❖	❖	❖
Học sinh gốc châu Á	885	879	48	5.50%
Học sinh da đen hoặc gốc châu Phi	15	15	1	6.70%
Học sinh gốc Phi Luật Tân	33	33	2	6.10%
Học sinh gốc Trung Nam Mỹ	1,169	1,142	209	18.30%
Học sinh thổ dân Hạ Uy Di hoặc gốc đảo Thái Bình Dương	11	❖	❖	❖
Học sinh thuộc hai chủng tộc hay nhiều hơn	27	27	6	22.20%
Học sinh da trắng	93	91	15	16.50%
Học sinh chưa thạo Anh ngữ	429	417	87	20.90%
Học sinh được nhận nuôi	12	11	5	45.50%
Học sinh không nhà	72	68	15	22.10%
Học sinh có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế xã hội	1,868	1,842	259	14.10%
Học sinh nhận dịch vụ Giáo dục Di cư	❖	❖	❖	❖
Học sinh khuyết tật	214	210	57	27.10%

❖ Để bảo vệ sự riêng tư cho học sinh, dữ kiện sẽ không được đăng khi số học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Phát triển chuyên môn

Chương trình phát triển chuyên môn của Khu Học chánh Garden Grove đặt trọng tâm vào cách giảng dạy hữu hiệu dựa trên nghiên cứu, trong đó lồng vào các phương cách tạo khung mẫu và sự khác biệt cho học sinh đủ mọi thành phần. Giáo viên được hỗ trợ để áp dụng cách giảng dạy hữu hiệu thông qua việc huấn luyện bao quát và hỗ trợ có mục tiêu trong lớp. Việc sử dụng dữ kiện thành tích của học sinh cũng giúp đưa ra các mục tiêu và kỳ vọng rõ ràng cho việc soạn thảo kế hoạch huấn luyện tại chức cho giáo viên và phụ tá có kinh nghiệm.

Các buổi hướng dẫn chuyên sâu được tổ chức vào cuối tháng Tám trong tuần lễ trước khi khai giảng để trang bị kiến thức mới và nâng cao kỹ năng cho giáo viên cho năm học sắp tới, với trọng tâm là các phương cách hỗ trợ việc học ngôn ngữ trong các lớp toán, Anh ngữ và các môn khác. Trong suốt năm học, vào sau giờ học và vào những ngày tan học sớm, khu học chánh có tổ chức các buổi phát triển chuyên môn cho giáo viên để hướng dẫn ngay trong lớp cách giảng dạy cũng như tạo cơ hội để giáo viên hiểu các tiêu chuẩn và chương trình học. Ngoài ra, một ngày học sinh được nghỉ được dành ra mỗi năm để phát triển chuyên môn cho tất cả giáo viên trung học trong khu học chánh. Giáo viên cộng tác với nhau trong các nhóm có cấp lớp và môn học tương tự trong suốt năm học để chuẩn bị giáo án, phân tích dữ kiện về thành tích và bài làm của học sinh nhằm bảo đảm một chương trình học có phẩm chất cao và nghiêm ngặt với kỳ vọng cao cho học sinh.

Giáo viên mới được cung cấp một chương trình huấn luyện giáo viên mới bao quát. Cách đứng lớp, chương trình căn bản của khu học chánh, phiếu điểm, các buổi họp phụ huynh-giáo viên, và cách giảng dạy dựa trên nghiên cứu là vài trong số các chủ đề huấn luyện cho giáo viên mới.

Các ngày dành để phát triển chuyên môn

Số ngày học dành riêng cho việc phát triển chuyên môn và liên tục cải tiến	
2023-24	Ít nhất bốn ngày trước năm học và một ngày trong năm học dành cho trường trung học mà thôi
2024-25	Ít nhất bốn ngày trước năm học và một ngày trong năm học dành cho trường trung học mà thôi
2025-26	Ít nhất bốn ngày trước năm học và một ngày trong năm học dành cho trường trung học mà thôi

Các thẩm định toàn tiểu bang

Các thẩm định toàn tiểu bang ví dụ như Hệ thống Thẩm định của California về Trình độ và Sự Tiến triển của Học Sinh (California Assessment of Student Performance and Progress, viết tắt là CAASPP) bao gồm các thẩm định cho môn Anh ngữ/đọc viết (ELA), toán, và khoa học dành cho học sinh trong chương trình giáo dục phổ thông và Thẩm định Thay thế của California (California Alternate Assessment, viết tắt là CAA). Chỉ có học sinh nào đạt tiêu chuẩn mới được tham dự trong Thẩm định CAA. Các mục của Thẩm định CAA theo sát với các tiêu chuẩn thành tích thay thế, mà các tiêu chuẩn này được liên kết với Các Tiêu chuẩn Phổ thông Chính của Tiểu bang (Common Core Standards, viết tắt là CCSS) hoặc Tiêu chuẩn Khoa học Thế hệ Kế tiếp của California (California Next Generation Science Standards, viết tắt là CA NGSS) dành cho học sinh bị các khuyết tật nặng nhất về nhận thức.

Hệ thống CAASPP bao gồm các thẩm định và điều kiện để học sinh được tham gia sau đây:

1. Các Thẩm định Tổng kết Cân bằng Thông minh hơn (Smarter Balanced Summative Assessments) và Các Thẩm định Thay thế của California (CAAs) cho môn Anh ngữ từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
2. Các Thẩm định Tổng kết Cân bằng Thông minh hơn (Smarter Balanced Summative Assessments) và Các Thẩm định Thay thế của California (CAAs) cho môn toán từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
3. Trắc nghiệm Khoa học của California (California Science Test, viết tắt là CAST) và Các Thẩm định Thay thế của California cho môn Khoa học cho các lớp 5, 8, và một lần ở trung học (ví dụ như lớp 10, 11, hoặc 12).

Kết quả trắc nghiệm CAASPP môn Khoa học dành cho tất cả học sinh

Bảng dưới đây cho thấy tỷ lệ phần trăm học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn Tiểu bang về CAASPP– Trắc nghiệm Khoa học của California (viết tắt là CAST) và Thẩm định Thay thế của California cho môn Khoa học (viết tắt là CAA for Science) cho các lớp 5, 8, và một lần ở trung học (ví dụ như lớp 10, 11, hoặc 12).

Tỷ lệ phần trăm học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn tiểu bang (Dữ kiện trong hai năm)

	Trường Trung học Garden Grove		Khu Học Chánh Garden Grove		California	
Môn học	**23-24**	**24-25**	**23-24**	**24-25**	**23-24**	**24-25**
Khoa học	39.91%	42.97%	38.27%	40.82%	30.73%	32.33%

Kết quả Trắc nghiệm CAASPP môn Anh ngữ và môn Toán dành cho tất cả học sinh

Bảng dưới đây cho thấy tỷ lệ phần trăm học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn Tiểu bang trong Thẩm định của California về Trình độ và Sự Tiến bộ của Học sinh (California Assessment of Student Performance and Progress, viết tắt là CAASPP), Các Thẩm định Tổng kết Cân bằng Thông minh hơn (Smarter Balanced Summative Assessments), và Các Thẩm định Thay thế của California (California Alternate Assessments, viết tắt là CAAs) cho môn Anh ngữ/đọc viết (ELA) và môn Toán cho các lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.

Tỷ lệ phần trăm học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn tiểu bang (Dữ kiện trong hai năm)

	Trường Trung học Garden Grove		Khu Học Chánh Garden Grove		California	
Môn học	**23-24**	**24-25**	**23-24**	**24-25**	**23-24**	**24-25**
Anh ngữ/đọc viết	70%	72%	59%	59%	46%	48%
Toán	42%	47%	48%	50%	34%	37%

Kết quả Trắc nghiệm CAASPP tính theo nhóm học sinh: môn Khoa học, Anh ngữ và Toán

Những bảng trong những trang sau đây cho thấy tỷ lệ phần trăm học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn tiểu bang trong môn khoa học, Anh ngữ/đọc viết và toán ở trường tính theo nhóm học sinh.

Các kết quả trắc nghiệm môn Khoa học bao gồm Trắc nghiệm Khoa học của California (viết tắt là CAST) và Thẩm định Thay thế của California cho môn Khoa học (viết tắt là CAA for Science). Các kết quả trắc nghiệm môn Anh ngữ và Toán bao gồm Thẩm định Tổng kết Cân bằng Thông minh hơn (Smarter Balanced Summative Assessments) và Thẩm định Thay thế của California (CAA). "Tỷ lệ Phần trăm Đạt hoặc Vượt" được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn trong Thẩm định Tổng kết Cân bằng Thông minh hơn cộng với tổng số học sinh đạt tiêu chuẩn (ví dụ như đạt Cấp độ 3 – Thay thế) trong Thẩm định Thay thế của California (CAA) rồi chia cho tổng số học sinh đã tham gia cả hai thẩm định.

Lưu ý: Số học sinh được thẩm định bao gồm tất cả học sinh đã tham gia thẩm định dù có nhận được điểm hay không. Tuy nhiên, số học sinh được thẩm định không phải là con số được dùng để tính tỷ lệ phần trăm mức độ thành tích. Tỷ lệ phần trăm mức độ thành tích được tính bằng cách chỉ sử dụng những học sinh mà có nhận được điểm.

Kết quả trắc nghiệm CAASPP tính theo nhóm học sinh: môn Khoa học (trung học)

Tỷ lệ phần trăm học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn tiểu bang (Năm học 2024-25)

Khoa học

Nhóm	Tổng số Ghi danh	Số học sinh được trắc nghiệm	Tỷ lệ phần trăm được trắc nghiệm	Tỷ lệ phần trăm không được trắc nghiệm	Tỷ lệ phần trăm đạt hoặc vượt
Tất cả học sinh	1,055	1,031	97.73%	2.27%	42.97%
Học sinh nữ	526	516	98.10%	1.90%	43.22%
Học sinh nam	529	515	97.35%	2.65%	42.72%
Học sinh da đỏ hoặc thổ dân Alaska	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh gốc châu Á	445	436	97.98%	2.02%	63.30%
Học sinh da đen hoặc gốc châu Phi	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh gốc Phi Luật Tân	18	18	100.00%	0.00%	61.11%
Học sinh gốc Trung Nam Mỹ	506	491	97.04%	2.96%	24.85%
Học sinh thổ dân Hạ Uy Di hoặc gốc đảo Thái Bình Dương	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh thuộc hai chủng tộc hay nhiều hơn	21	21	100.00%	0.00%	42.86%
Học sinh da trắng	50	50	100.00%	0.00%	34.00%
Học sinh chưa thạo Anh ngữ	173	159	91.91%	8.09%	2.52%
Học sinh được nhận nuôi	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh không nhà	22	22	100.00%	0.00%	27.27%
Học sinh gia đình quân đội	56	55	98.21%	1.79%	40.00%
Học sinh có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế xã hội	514	498	96.89%	3.11%	35.54%
Học sinh nhận dịch vụ Giáo dục Di cư	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh khuyết tật	97	89	91.75%	8.25%	4.49%

❖ Để bảo vệ sự riêng tư cho học sinh, dữ kiện sẽ không được đăng khi số học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Kết quả trắc nghiệm CAASPP tính theo nhóm học sinh: môn Anh ngữ (lớp 11)

Tỷ lệ phần trăm học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn tiểu bang (Năm học 2024-25)					
Anh ngữ					
Nhóm	**Tổng số Ghi danh**	**Số học sinh được trắc nghiệm**	**Tỷ lệ phần trăm được trắc nghiệm**	**Tỷ lệ phần trăm không được trắc nghiệm**	**Tỷ lệ phần trăm đạt hoặc vượt**
Tất cả học sinh	526	504	95.82%	4.18%	72.11%
Học sinh nữ	266	259	97.37%	2.63%	74.81%
Học sinh nam	260	245	94.23%	5.77%	69.26%
Học sinh da đỏ hoặc thổ dân Alaska	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh gốc châu Á	230	220	95.65%	4.35%	85.00%
Học sinh da đen hoặc gốc châu Phi	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh gốc Phi Luật Tân	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh gốc Trung Nam Mỹ	248	237	95.56%	4.44%	59.15%
Học sinh thổ dân Hạ Uy Di hoặc gốc đảo Thái Bình Dương	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh thuộc hai chủng tộc hay nhiều hơn	11	11	100.00%	0.00%	72.73%
Học sinh da trắng	20	20	100.00%	0.00%	75.00%
Học sinh chưa thạo Anh ngữ	85	74	87.06%	12.94%	16.22%
Học sinh được nhận nuôi	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh không nhà	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh gia đình quân đội	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế xã hội	250	237	94.80%	5.20%	65.25%
Học sinh nhận dịch vụ Giáo dục Di cư	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh khuyết tật	41	35	85.37%	14.63%	17.65%

❖ Để bảo vệ sự riêng tư cho học sinh, dữ kiện sẽ không được đăng khi số học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Kết quả trắc nghiệm CAASPP tính theo nhóm học sinh: môn Toán (lớp 11)

Tỷ lệ phần trăm học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn tiểu bang (Năm học 2024-25)

Toán

Nhóm	Tổng số Ghi danh	Số học sinh được trắc nghiệm	Tỷ lệ phần trăm được trắc nghiệm	Tỷ lệ phần trăm không được trắc nghiệm	Tỷ lệ phần trăm đạt hoặc vượt
Tất cả học sinh	526	503	95.63%	4.37%	46.52%
Học sinh nữ	266	257	96.62%	3.38%	41.63%
Học sinh nam	260	246	94.62%	5.38%	51.63%
Học sinh da đỏ hoặc thổ dân Alaska	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh gốc châu Á	230	218	94.78%	5.22%	70.64%
Học sinh da đen hoặc gốc châu Phi	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh gốc Phi Luật Tân	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh gốc Trung Nam Mỹ	248	237	95.56%	4.44%	25.74%
Học sinh thổ dân Hạ Uy Di hoặc gốc đảo Thái Bình Dương	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh thuộc hai chủng tộc hay nhiều hơn	11	11	100.00%	0.00%	36.36%
Học sinh da trắng	20	20	100.00%	0.00%	35.00%
Học sinh chưa thạo Anh ngữ	85	74	87.06%	12.94%	9.46%
Học sinh được nhận nuôi	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh không nhà	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh gia đình quân đội	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế xã hội	250	237	94.80%	5.20%	35.02%
Học sinh nhận dịch vụ Giáo dục Di cư	❖	❖	❖	❖	❖
Học sinh khuyết tật	41	35	85.37%	14.63%	0.00%

❖ Để bảo vệ sự riêng tư cho học sinh, dữ kiện sẽ không được đăng khi số học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Các Chương trình Hướng nghiệp và Dạy nghề

Chương trình Hướng nghiệp và Dạy nghề (Career and Technical Education, viết tắt là CTE) ở Khu Học Chánh Garden Grove theo sát với Tiêu chuẩn Mô hình Giảng dạy CTE (CTE Model Curriculum Standards) của California, Tiêu chuẩn Thực hành Sẵn sàng cho Nghề nghiệp (Standards for Career Ready Practice), Tiêu chuẩn Phổ thông Chính của Tiểu bang (Common Core State Standards), và Tiêu chuẩn Khoa học Thế hệ Kế tiếp (Next Generation Science Standards). Các chương trình học chuẩn bị cho học sinh thành công sau trung học trong các lãnh vực ưu tiên và mới nổi trong vùng và áp dụng nội dung học chính vào đời sống thực tế.

Trong năm học 2024-25, Khu Học chánh Garden Grove cung cấp 198 khóa học CTE cho các lớp từ 7 đến 12, với 5,883 học sinh tham dự ít nhất một khóa học CTE. Trong số những học sinh lớp 12 của khu học chánh, 918 học sinh đã hoàn tất lộ trình CTE, với 99.6% lấy được bằng tốt nghiệp trung học. Khoảng 23% tất cả các khóa học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc ăn khớp với các trường đại học cộng đồng, và cơ hội ghi danh kép có trong các lãnh vực như sửa xe, công nghệ sinh học, kinh doanh, an ninh mạng, nghệ thuật truyền thông kỹ thuật số, giáo dục, phục vụ du khách, kỹ sư, chế tạo, và chăm sóc bệnh nhân, thông qua các thỏa thuận Lộ trình Tiếp cận Đại học và Nghề nghiệp (College and Career Access Pathway, viết tắt là CCAP) với ba khu học chánh đại học cộng đồng.

Chương trình CTE toàn diện của Khu Học chánh Garden Grove bảo đảm rằng học sinh có thể theo đuổi việc chuẩn bị cho đại học lẫn học kỹ thuật – với phần lớn các khóa học CTE đáp ứng các đòi hỏi về các môn A-G của Đại học University of California – đồng thời khám phá sở thích nghề nghiệp và lấy tín chỉ đại học sớm. Các chương trình ghi danh kép và ăn khớp cung cấp cho học sinh cơ hội lấy tín chỉ cả trung học lẫn đại học trong các khóa học theo sát các ngành có nhu cầu cao trong vùng.

Các lộ trình CTE chuẩn bị học sinh cho các lãnh vực có kỹ năng cao, lương cao và nhu cầu cao, với các chương trình bao gồm: Nghệ thuật, Truyền thông và Giải trí; Kinh doanh và Tài chánh; Giáo dục, Nuôi dạy trẻ và Dịch vụ gia đình; Kỹ sư và Kiến trúc; Thiết kế thời trang và nội thất; Khoa học sức khoẻ và Kỹ thuật y khoa; Kỹ thuật thông tin và truyền thông; Chế tạo và Phát triển sản phẩm; Dịch vụ công cộng; và Vận tải.

Tất cả ban điều hành, giảng viên, cố vấn và nhân viên yểm trợ của CTE đều là nhân viên của Khu Học Chánh Garden Grove. Khu học chánh vẫn là thành viên tích cực của liên minh Orange County (OC) Pathways, bao gồm 14 khu học chánh dạy từ mẫu giáo-lớp 12 và 14 trường đại học, và tiếp tục hợp tác với chương trình CTEp của Sở Giáo dục Orange County để có sự ăn khớp, thiết kế chương trình giảng dạy, cung cấp dịch vụ cho học sinh, và phát triển chuyên môn. Sự hợp tác này hỗ trợ một hệ thống những nguồn tài nguyên nhằm tăng cường phát triển chương trình giảng dạy, học tập dựa trên công việc, đào tạo chuyên môn, và các cơ hội cho học sinh như các cuộc thi cấp vùng, các chuyến đi học hỏi thực tế, và các kinh nghiệm trong ngành.

Các khóa học CTE được dạy bởi các giảng viên có chứng chỉ sư phạm với kinh nghiệm chuyên môn trong các ngành của họ, bao gồm giảng viên có chứng chỉ sư phạm CTE dạy một môn học lẫn dạy các môn chỉ định (Designated Subjects). Các tiêu chuẩn học được lồng vào các lớp Anh ngữ, toán, khoa học, và xã hội học tăng cường việc học hỏi chính và thúc đẩy sự kết hợp các môn STEM giữa các ngành CTE. Khu Học chánh Garden Grove cũng cung cấp các khóa học Tích hợp Chương trình Giảng dạy Đại học Univeristy of California (University of California Curriculum Integration, viết tắt là UCCI), chẳng hạn như Sinh học và Sức khỏe Cộng đồng, đồng thời tiếp tục mở rộng việc sử dụng các mô hình học tập dựa trên dự án, theo mô hình học viện nhằm kết nối việc học nghiêm ngặt với các ứng dụng xác thực và thực tiễn.

Các lộ trình CTE được phát triển dựa trên dữ kiện thị trường lao động trong vùng và theo sát với đại học và nghề nghiệp, với các chương trình được cập nhật về ngành chẳng hạn như Project Lead the Way, viết tắt là PLTW, trong các ngành kỹ sư và y sinh học, chương trình giảng dạy khoa học máy tính của code.org, và việc kết hợp máy móc tự động của C-STEM.

Các chương trình được có trong suốt năm học – gồm trước và sau giờ học – và trong mùa hè. Mỗi mùa hè, Khu Học chánh Garden Grove tổ chức Chương trình Thực tập Chuyên nghiệp (Professional Internship Program), cung cấp các kinh nghiệm học dựa trên công việc qua đó kết hợp việc học trong lớp với thực hành tại nơi làm việc thực tế. Vào mùa hè năm 2025, chương trình có 93 học sinh tham gia vào năm 2024, với học sinh được cố vấn chuyên nghiệp, được huấn luyện để có thể được mướn, và có cơ hội nhận học bổng thông qua sự hợp tác với Phòng Thương mại Garden Grove (Garden Grove Chamber of Commerce), Sở Giáo dục Quận Cam (Orange County Department of Education, viết tắt là OCDE), và hội United Way Orange County.

Tất cả giáo viên chương trình CTE đều không ngừng được phát triển chuyên môn về cách giảng dạy khác biệt để đáp ứng nhu cầu của các thành phần học sinh đa dạng, bao gồm học sinh chưa thạo Anh ngữ và học sinh có nhu cầu đặc biệt. Các giáo viên chương trình CTE cũng tham gia trong các nhóm của Chương trình Giáo dục Riêng cho Cá nhân (Individualed Education Program, viết tắt là IEP) và kết hợp các sự điều chỉnh và sửa đổi vào trong cách giảng dạy của học. Bản chất thực tiễn và hợp tác của các khóa học CTE hỗ trợ nhiều phong cách học, thúc đẩy sáng tạo, khả năng suy luận, và các kỹ năng để có thể được mướn trong thế kỷ 21.

Dữ kiện chương trình CTE cho thấy rằng học sinh hoàn thành các lộ trình CTE có nhiều khả năng tốt nghiệp trung học và học lên sau bậc trung học. Hai phần ba học sinh lớp 12 của Khu Học chánh Garden Grove mà đã hoàn thành hai khóa CTE hay nhiều hơn thì học tiếp lên các chương trình đại học hoặc đào tạo nâng cao. Học sinh cũng được nhận các chứng chỉ được công nhận trong ngành như ServSafe Food Handler, OSHA 10-Hour, BLS/CPR, Adobe, CompTIA, và Microsoft Office Specialist (MOS). Các cuộc khảo sát cuối năm tiếp tục cho thấy phần lớn học sinh báo cáo rằng các khóa học CTE đã giúp họ xác định ngành muốn học ở đại học, làm rõ mục tiêu nghề nghiệp, và hiểu giá trị của các chứng chỉ và giáo dục đại học.

Ban CTE của Khu Học chánh Garden Grove duy trì 125 sự hợp tác tích cực với các chủ lao động trong vùng, các tổ chức cộng đồng, và các trường đại học. Các cuộc họp hàng năm của các bên liên quan bao gồm các đại diện từ:

- Ban giảng huấn, các cố vấn, ban giám hiệu và nhân viên hỗ trợ của trường trung học
- Ban giảng huấn, các cố vấn và ban điều hành của trường sau trung học
- Đại diện của các nhóm dân cư đặc biệt
- Các cơ quan kinh tế và phát triển lực lượng lao động địa phương
- Các cơ sở kinh doanh và ngành nghề hợp tác

Tiếp theo ở bên hông

Các môn học Xếp lớp Trình độ Cao

Sau đây là danh sách các môn học Xếp lớp Trình độ Cao (Advanced Placement, viết tắt là AP) mà trong đó có ít nhất một học sinh ghi danh học.

Các môn học Xếp lớp Trình độ Cao	
Năm học 2024-25	
Tỷ lệ phần trăm học sinh ghi danh các môn học Xếp lớp Trình độ Cao	38.10%
Số môn học Xếp lớp Trình độ Cao được cung cấp tại trường	61
Số môn học Xếp lớp Trình độ Cao được cung cấp	
Khoa học Điện toán	0
Anh ngữ	13
Mỹ thuật và Nghệ thuật trình diễn	1
Ngoại ngữ	3
Toán	15
Khoa học	8
Khoa học xã hội	21

Các Chương trình Hướng nghiệp và Dạy nghề

Tiếp theo từ bên trái

- Phụ huynh, học sinh và các tổ chức cộng đồng
- Đại diện của các bộ lạc da đỏ và các tổ chức bộ lạc

Giám đốc chương trình CTE của khu học chánh dẫn đầu những nỗ lực hợp tác này và bảo đảm rằng ý kiến đóng góp của các bên liên quan báo cho biết việc cải tiến chương trình, phát triển khóa học, và giúp tất cả học sinh có cơ hội tiếp cận đồng đều các kinh nghiệm CTE phẩm chất cao.

Tỷ lệ tốt nghiệp và bỏ học

Bảng này cho thấy tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ bỏ học trong khoảng thời gian ba năm gần đây nhất mà có dữ kiện. Tỷ lệ tốt nghiệp của nhóm thuần tập (tiếng Anh là cohort) được điều chỉnh trong bốn năm là con số học sinh tốt nghiệp trong bốn năm với bằng tốt nghiệp trung học thông thường chia cho số học sinh tạo thành nhóm thuần tập được điều chỉnh cho lớp tốt nghiệp. Đây là cách tính: Từ đầu lớp 9 (hoặc lớp trung học sớm nhất), những học sinh vào lớp đó lần đầu sẽ tạo thành một nhóm thuần tập mà nhóm này được "điều chỉnh" bằng cách thêm vào bất cứ học sinh nào chuyển vào nhóm sau đó và trừ ra bất cứ học sinh nào ra khỏi nhóm sau đó.

Tỷ lệ tốt nghiệp và bỏ học (Dữ kiện trong ba năm)

	Tỷ lệ tốt nghiệp			Tỷ lệ bỏ học		
	22-23	23-24	24-25	22-23	23-24	24-25
Trường Trung học Garden Grove	93.80%	95.70%	93.90%	6.00%	4.30%	5.70%
Khu Học Chánh Garden Grove	92.60%	93.10%	92.30%	5.30%	5.50%	6.00%
California	86.20%	86.40%	87.50%	8.20%	8.90%	8.00%

Tỷ lệ tốt nghiệp tính theo nhóm học sinh (Tỷ lệ của nhóm thuần tập bốn năm)

Tỷ lệ tốt nghiệp tính theo nhóm học sinh (Năm học 2024-25)

Nhóm học sinh	Số học sinh trong nhóm thuần tập	Số học sinh tốt nghiệp của nhóm thuần tập	Tỷ lệ tốt nghiệp của nhóm thuần tập
Tất cả học sinh	523	491	93.90%
Học sinh nữ	256	245	95.70%
Học sinh nam	267	246	92.10%
Học sinh không xác định giới tính	❖	❖	❖
Học sinh da đỏ hoặc thổ dân Alaska	❖	❖	❖
Học sinh gốc châu Á	217	201	92.60%
Học sinh da đen hoặc gốc châu Phi	❖	❖	❖
Học sinh gốc Phi Luật Tân	❖	❖	❖
Học sinh gốc Trung Nam Mỹ	252	236	93.70%
Học sinh thổ dân Hạ Uy Di hoặc gốc đảo Thái Bình Dương	❖	❖	❖
Học sinh thuộc hai chủng tộc hay nhiều hơn	❖	❖	❖
Học sinh da trắng	30	30	100.00%
Học sinh chưa thạo Anh ngữ	130	105	80.80%
Học sinh được nhận nuôi	❖	❖	❖
Học sinh không nhà	26	20	76.90%
Học sinh có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế xã hội	485	456	94.00%
Học sinh nhận dịch vụ Giáo dục Di cư	❖	❖	❖
Học sinh khuyết tật	57	48	84.20%

Để biết thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp của nhóm thuần tập được điều chỉnh trong bốn năm (Four-Year Adjusted Cohort Graduation Rate, viết tắt là ACGR), hãy vào trang ACGR của Bộ Giáo dục California tại https://www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp.

❖ Để bảo vệ sự riêng tư cho học sinh, dữ kiện sẽ không được đăng khi số học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Tham gia Chương trình Hướng nghiệp và Dạy nghề

Bảng này cho thấy thông tin về việc tham gia vào các chương trình Hướng nghiệp và Dạy nghề (CTE) của trường.

Dữ kiện về chương trình Hướng nghiệp và Dạy nghề

Trường Trung học Garden Grove	
Sự tham gia trong năm học 2024-25	
Số học sinh tham gia trong một chương trình CTE	781
Tỷ lệ phần trăm học sinh đã hoàn tất một chương trình CTE và có bằng tốt nghiệp trung học	100%
Tỷ lệ phần trăm các khóa học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc ăn khớp giữa một trường và các cơ sở giáo dục sau trung học.	24%

Các khoá học chương trình Hướng nghiệp và Dạy nghề

Dưới đây là các lớp CTE và ROP có tại Trường Trung học Garden Grove.

- Hội thảo về Đại học và Nghề nghiệp
- Nghệ thuật Thiết kế, Tạo hình và Truyền thông: Nghệ thuật Thiết kế Đồ hoạ, Thiết kế Đa Phương tiện (lớp Honors)
- Khoa học Sức khoẻ và Kỹ thuật Y Khoa/Chăm sóc Bệnh nhân: Cốt lõi Ngành Y Khoa, Hệ thống Cơ thể và Rối loạn Cơ thể, Trợ lý Y Khoa Lâm sàng
- Phục vụ Du khách và Nghệ thuật Nấu ăn: Nghệ thuật Nấu ăn, Làm Bánh Chuyên nghiệp
- Kỹ thuật Thông tin và Khoa học Điện toán: Khám phá Khoa học Điện toán, Nguyên lý Khoa học Điện toán (lớp AP), Ứng dụng Khoa học Điện toán A (lớp AP)
- Sức khoẻ Tâm thần và Hành vi Cư xử: Nghề nghiệp Sức khoẻ Tâm thần, Vấn đề Tâm trí: Sức khoẻ Tâm thần (lớp Honors)
- An toàn Công cộng và Công lý Hình sự: Công lý Hình sự, Khoa học Điều tra Hiện trường Vụ Án

Sách giáo khoa và học liệu

Sách giáo khoa từ mẫu giáo đến lớp 12 các môn Anh ngữ, toán, lịch sử/khoa học xã hội, sức khoẻ, ngoại ngữ, nghệ thuật hình ảnh và trình diễn, và khoa học đã được chọn từ sách đã được Hội đồng Giáo dục Tiểu bang chuẩn thuận. Hội đồng Giáo dục Khu Học chánh Garden Grove đã chọn sách giáo khoa của khu học chánh cho những môn học được liệt kê dưới đây. Sách giáo khoa từ mẫu giáo đến lớp 12 các môn toán, lịch sử/khoa học xã hội, khoa học, Anh ngữ (bao gồm môn đọc) và ngôn ngữ thế giới theo sát với các tiêu chuẩn nội dung đã được tiểu bang chọn và các khuôn khổ của tiểu bang hoặc liên bang dựa theo lịch trình áp dụng của tiểu bang.

Tất cả học sinh của Khu Học chánh Garden Grove, kể cả học sinh chưa thạo Anh ngữ, đều có sách giáo khoa và học liệu, bao gồm thiết bị thí nghiệm khoa học ở cấp lớp 9 đến 12, trong tình trạng hiện hành và tốt theo đúng quy định của Bộ luật Giáo dục. Tất cả sách giáo khoa và học liệu đều có đủ cho mỗi học sinh dùng trong lớp và đem về nhà.

Danh sách sách giáo khoa và học liệu (Năm học 2025-26)

Môn học	Sách giáo khoa	Được chọn
Anh ngữ	CA Collections, Houghton Mifflin Harcourt	2016-17
Toán: Đại số 1	McGraw-Hill	2015-16
Toán: Đại số 2	McGraw-Hill	2015-16
Toán: Đại số 2/Lượng giác	Cengage Learning	2015-16
Toán: Đại số cao cấp/ Lượng giác	Wiley Publishing	2015-16
Toán: Tất cả các loại toán khác	Statistics: Pearson; Pre-Calculus: Cengage Learning; AP Calculus: Briggs, Cochran, et. al.	2015-16
Lịch sử/Khoa học xã hội	Savvas (formally Pearson)	2019-20
Khoa học	McGraw Hill California Inspire	2020-21
Nghệ thuật hình ảnh và trình diễn	---	2007-08
Ngôn ngữ thế giới	Spanish: Pearson; Heritage Spanish: McGraw Hill; Vietnamese: Tieng Viet Men Yeu; French: HMH	2017-18
Sức khoẻ	Goodheart-Wilcox	2020-21

Phẩm chất của sách giáo khoa

Bảng sau đây phát thảo các tiêu chí cần thiết để chọn sách giáo khoa và học liệu.

Phẩm chất của sách giáo khoa (Năm học 2025-26)

Tiêu chí	Có/Không
Sách giáo khoa có được chọn từ danh sách được tiểu bang chuẩn thuận hoặc hội đồng giáo dục địa phương chuẩn thuận gần đây nhất hay không?	Có

Truy cập Internet công cộng

Những ai không thể truy cập Internet tại nhà có thể sử dụng máy điện toán có nối Internet tại các thư viện công cộng trong phạm vi Khu Học chánh Garden Grove để lấy xuống và xem các Bản Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường. Việc truy cập Internet tại thư viện thường theo quy tắc ai tới trước thì dùng trước. Có các hạn chế sử dụng khác bao gồm giờ mở cửa, thời gian được sử dụng máy (tuỳ thuộc vào việc có máy hay không), các loại nhu liệu có trong máy, và khả năng in được tài liệu.

Vui lòng xem dưới đây để biết thông tin liên lạc thư viện cho cộng đồng của quý vị.

Thư viện công cộng Orange County Public Library
Tel: (714) 566-3000
www.ocpl.org

Thư viện công cộng Anaheim Public Library
Tel: (714) 765-1880
www.anaheim.net/library

Thư viện công cộng Santa Ana Public Library
Tel: (714) 647-5250
www.santa-ana.org/library

Thư viện công cộng Orange County Public Library phục vụ các thành phố Cypress, Fountain Valley, Westminster, Garden Grove và Stanton trong phạm vi Khu Học chánh Garden Grove.

Sự sẵn có của sách giáo khoa và học liệu

Liệt kê sau đây là tỷ lệ phần trăm học sinh bị thiếu sách giáo khoa và học liệu riêng của mình.

Tỷ lệ phần trăm học sinh bị thiếu học liệu tính theo môn học

Năm học 2025-26	
Đọc/Anh ngữ	0%
Toán	0%
Khoa học	0%
Lịch sử/Khoa học xã hội	0%
Nghệ thuật hình ảnh và trình diễn	0%
Ngoại ngữ	0%
Sức khoẻ	0%
Thiết bị thí nghiệm khoa học	0%

Sự hiện hành của sách giáo khoa

Bảng này cho thấy ngày mà buổi lắng nghe được tổ chức gần đây nhất để thông qua nghị quyết về tính đầy đủ của học liệu.

Sự hiện hành của sách giáo khoa

Năm học 2025-26	
Ngày thu thập dữ kiện	9/2/2025

Các chương trình của trường

Khu học chánh nhận thêm ngân quỹ cho một số dịch vụ và chương trình đặc biệt. Trong số các chương trình đặc biệt có tại trường có những chương trình sau đây:

- Thăng tiến bằng quyết tâm cá nhân (AVID)
- Các chương trình học thêm giờ và học hè:
  - Các lớp kèm học sinh trở ngại sau giờ học
  - Các lớp phát triển Anh ngữ sau giờ học (English Language Development)
  - Chương trình học hè
- Giáo dục Đặc biệt (Special Education)
- Title I (là chương trình giúp học sinh nghèo thu hẹp khoảng cách giáo dục)

Tình trạng giữ gìn tốt phòng ốc của trường

Bảng này cho thấy kết quả lần thanh tra gần đây nhất của trường sử dụng Công cụ Thanh tra Phòng ốc (Facility Inspection Tool, viết tắt là FIT) hoặc mẫu tương tự. Việc thanh tra này xác định tình trạng giữ gìn tốt phòng ốc của trường bằng cách sử dụng các xếp hạng tình trạng tốt, trung bình hoặc kém. Phần tóm tắt tổng quát về tình trạng phòng ốc sử dụng các xếp hạng xuất sắc, tốt, trung bình hoặc kém. Quý vị có thể tìm hiểu thêm thông tin về tình trạng phòng ốc của trường bằng cách nói chuyện với hiệu trưởng.

Tình trạng giữ gìn tốt phòng ốc của trường (Năm học 2025-26)

Hạng mục được thanh tra	Tình trạng giữ gìn
Các hệ thống: Rò rỉ khí đốt, cống rãnh, hệ thống cơ khí (sưởi, thông gió và làm lạnh)	Tốt
Bên trong: Bề mặt bên trong (sàn, trần, tường và khung cửa sổ)	Tốt
Sự sạch sẽ: Diệt sâu bọ/cháy rận, sạch sẽ toàn diện	Tốt
Điện: Các hệ thống điện	Tốt
Nhà vệ sinh/vòi nước: Nhà vệ sinh, bồn và vòi nước uống	Tốt
An toàn: An toàn cháy nổ, các hệ thống khẩn cấp, vật liệu nguy hiểm	Tốt
Cấu trúc: Tình trạng cấu trúc, mái nhà	Tốt
Bên ngoài: cửa sổ/cửa ra vào/cổng/hàng rào, sân chơi/sân trường	Tốt
Tóm tắt tổng quát tình trạng phòng ốc	Xuất sắc
Ngày của bản báo cáo FIT gần đây nhất	6/23/2025

Phòng ốc của trường

Khu Học chánh Garden Grove (GGUSD) tiếp tục hãnh diện về việc duy trì phòng ốc tốt để tạo môi trường học tập và làm việc an toàn cho học sinh và nhân viên. Nhân viên trông coi trường và bảo trì của khu học chánh tiến hành kiểm tra thường xuyên để bảo đảm rằng tất cả các địa điểm đều sạch sẽ, an toàn, được bảo trì tốt và trong tình trạng tốt. Các đội dọn dẹp lưu động đã được huy động để hỗ trợ dọn dẹp kỹ. Ban Bảo trì đang trong quá trình thực hiện các chương trình bảo trì phòng ngừa để bảo đảm tất cả các trường học đều được giữ ở mức hoạt động hữu hiệu. Tất cả các phòng học, sân chơi và nơi làm việc cho học sinh và nhân viên đều đáp ứng các quy định về sức chứa của phòng ốc của Bộ luật Giáo dục.

Hội đồng Giáo dục đã thông qua một chương trình bảo trì trong 5 năm để sửa sang trường lớp, và phê chuẩn các công trình sửa sang lớn hàng năm khi cần. Nhân viên phụ trách xoá hình chữ vẽ bậy giúp giữ cho trường học không có hình chữ vẽ bậy.

Khu Học chánh Garden Grove luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của một môi trường sạch sẽ, an toàn để học tập và làm việc. Môi trường của mỗi trường là niềm hãnh diện của học sinh, nhân viên và phụ huynh. Để bảo đảm phòng ốc được giữ gìn tốt, nhân viên trông coi trường ở mỗi địa điểm thực hiện việc kiểm tra hàng tháng, và ban bảo trì của khu học chánh cố gắng hoàn thành công việc kịp thời. Một số trường đã trồng các khu vườn riêng, cho phép thực hiện các dự án được bảo trợ bởi hội phụ huynh học sinh (PTA) lẫn chương trình Hướng đạo Đại bàng với Hướng đạo sinh Hoa kỳ (Boys Scouts of America) nhằm làm đẹp hơn các ngôi trường trong toàn khu học chánh.

Trường Trung học Garden Grove được xây vào năm 1921. Trường có 85 phòng học cố định và 2 phòng học tiền chế. Trường còn có một giảng đường 1,500 chỗ ngồi, sân bóng bầu dục mới, sân bóng chày, hai phòng tập thể dục, một hồ bơi, hai phòng thay đồ có tủ khoá, một phòng tập tạ, thư viện-phòng phương tiện truyền thông, tiệm sách, văn phòng hướng dẫn, văn phòng hướng nghiệp và thông tin đại học, tám phòng máy điện toán, phòng ăn tự phục vụ, phòng làm việc của giáo viên, phòng sinh hoạt của giáo viên, tiệm bán đồ do học sinh phụ trách, và các phòng tập dượt thể thao.

Vào tháng Sáu năm 2010, cử tri đã bỏ phiếu cho Đạo Luật A, cho phép Khu Học chánh Garden Grove phát hành trái phiếu công ích trị giá $250 triệu và tạo điều kiện để đạt tiêu chuẩn nhận lên đến $200 triệu tài trợ tương ứng của tiểu bang cho các dự án sửa chữa, cải thiện và hiện đại hoá cơ sở hạ tầng quy mô lớn. Như một khoản tài trợ thêm, khu học chánh còn nhận được $47 triệu tài trợ bổ sung để cải thiện trường lớp, nâng tổng ngân sách của Đạo luật A lên đến $503 triệu trong bảy tới tám năm cần thiết để hoàn thành tất cả các dự án được tài trợ bằng trái phiếu. Ngoài ra, vào năm 2016 cử tri đã bỏ phiếu cho Đạo luật P cho phép $311 triệu giúp khu học chánh thực hiện nhiều dự án sửa sang bao gồm nâng cấp khả năng chống động đất, xây các sân vận động thể thao mới, gắn thêm máy lạnh và cải tiến khả năng tiết kiệm năng lượng cho tất cả các trường tiểu học còn lại.

Tiếp theo ở bên hông

Phòng ốc của trường

Tiếp theo từ bên trái

Số tiền thu được từ trái phiếu, cộng với tiền tài trợ tương ứng của tiểu bang, đang trang trải cho nhiều dự án sửa sang trường lớp như nâng cấp các hệ thống mạch điện, ống nước, chiếu sáng, mái nhà, liên lạc nội bộ và hệ thống phòng cháy; cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng; thay cửa ra vào, cửa sổ, và các hệ thống sưởi và thông gió lỗi thời; thay thiết bị sân chơi và tấm lót an toàn; nâng cấp hệ thống viễn thông để thích ứng với kỹ thuật hiện nay; thay ống nước, gạch lót sàn và các vật cố định trong nhà vệ sinh; cải tiến trường lớp để người khuyết tật dễ lui tới; chôn các ống dẫn ngầm mới để đáp ứng cho sự phát triển kỹ thuật; thay thảm mới trong phòng học; sơn lại bên trong và ngoài trường; và lắp hệ thống đường ống khí đốt ngầm mới.

Tất cả các địa điểm của Khu Học chánh Garden Grove hiện đang được trang bị các tấm hút năng lượng mặt trời. Dự báo là dự án sẽ hoàn tất vào cuối mùa xuân 2026. Chúng tôi cám ơn sự kiên nhẫn của quý vị trong lúc chúng tôi làm việc để bảo đảm rằng tất cả trường học của chúng ta luôn là nơi thành công và thoải mái để học tập và làm việc.

Bảng Thông số Trường học California

Bảng Thông số Trường học California (California School Dashboard, viết tắt là Dashboard) tại https://www.caschooldashboard.org/ phản ánh hệ thống trách nhiệm và liên tục cải tiến mới của California và cung cấp thông tin về cách các cơ quan giáo dục địa phương và trường học đáp ứng nhu cầu của thành phần học sinh đa dạng của California. Bảng Thông số chứa các báo cáo cho thấy thành tích của các cơ quan giáo dục địa phương, trường học, và nhóm học sinh dựa theo tiêu chuẩn của tiểu bang và địa phương nhằm hỗ trợ trong việc xác định các điểm mạnh, các khó khăn, và các lãnh vực cần cải thiện.

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên

Những bảng này cho thấy con số và tỷ lệ phần trăm của việc ủy quyền/bổ nhiệm giáo viên cũng như tổng số và tỷ lệ phần trăm các vị trí giảng dạy ở cấp trường, khu học chánh, và tiểu bang. Đối với những câu hỏi liên quan đến việc bổ nhiệm giáo viên dạy ngoài lãnh vực chuyên môn hoặc về tình trạng chứng chỉ của giáo viên, hãy vào trang mạng của Uỷ ban Cấp Chứng chỉ Giáo viên California tại https://www.ctc.ca.gov/.

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên (Năm học 2021-22)

Sự ủy quyền/Sự bổ nhiệm	Con số của trường	Tỷ lệ phần trăm của trường	Con số của khu học chánh	Tỷ lệ phần trăm của khu học chánh	Con số của tiểu bang	Tỷ lệ phần trăm của tiểu bang
Được cấp chứng chỉ hoàn toàn (Sơ bộ hoặc toàn bộ) để được phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm đúng cách)	74.0	79.0%	1,444.6	85.0%	234,405.2	84.0%
Người có chứng chỉ thực tập sinh được bổ nhiệm đúng cách	0.0	0.0%	1.5	0.1%	4,853.0	1.7%
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm không đúng cách ("không hiệu quả" theo Đạo luật ESSA)	3.4	3.7%	67.7	4.0%	12,001.5	4.3%
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài lãnh vực ("ngoài lãnh vực" theo Đạo luật ESSA)	1.9	2.1%	15.4	0.9%	11,953.1	4.3%
Không xác định	14.3	15.3%	170.3	10.0%	15,831.9	5.7%
Tổng số vị trí giảng dạy	93.6	100.0%	1,699.6	100.0%	279,044.8	100.0%

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên (Năm học 2022-23)

Sự ủy quyền/Sự bổ nhiệm	Con số của trường	Tỷ lệ phần trăm của trường	Con số của khu học chánh	Tỷ lệ phần trăm của khu học chánh	Con số của tiểu bang	Tỷ lệ phần trăm của tiểu bang
Được cấp chứng chỉ hoàn toàn (Sơ bộ hoặc toàn bộ) để được phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm đúng cách)	82.0	88.2%	1,449.0	84.0%	231,142.4	83.2%
Người có chứng chỉ thực tập sinh được bổ nhiệm đúng cách	0.0	0.0%	0.0	0.0%	5,566.4	2.0%
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm không đúng cách ("không hiệu quả" theo Đạo luật ESSA)	0.8	0.9%	21.8	1.3%	14,938.3	5.4%
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài lãnh vực ("ngoài lãnh vực" theo Đạo luật ESSA)	4.7	5.1%	81.3	4.7%	11,746.9	4.2%
Không xác định	5.3	5.8%	172.5	10.0%	14,303.8	5.2%
Tổng số vị trí giảng dạy	93.0	100.0%	1,724.7	100.0%	277,697.8	100.0%

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên (Năm học 2023-24)

Sự ủy quyền/Sự bổ nhiệm	Con số của trường	Tỷ lệ phần trăm của trường	Con số của khu học chánh	Tỷ lệ phần trăm của khu học chánh	Con số của tiểu bang	Tỷ lệ phần trăm của tiểu bang
Được cấp chứng chỉ hoàn toàn (Sơ bộ hoặc toàn bộ) để được phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm đúng cách)	86.5	88.9%	1,519.0	87.6%	230,039.4	82.6%
Người có chứng chỉ thực tập sinh được bổ nhiệm đúng cách	0.0	0.0%	0.0	0.0%	6,213.8	2.2%
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm không đúng cách ("không hiệu quả" theo Đạo luật ESSA)	4.6	4.8%	37.2	2.2%	16,855.0	6.0%
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài lãnh vực ("ngoài lãnh vực" theo Đạo luật ESSA)	2.2	2.3%	61.8	3.6%	12,112.8	4.3%
Không xác định	3.8	4.0%	116.6	6.7%	13,705.8	4.9%
Tổng số vị trí giảng dạy	97.3	100.0%	1,734.8	100.0%	278,927.1	100.0%

Lưu ý: Dữ kiện trong các bảng này tính theo tình trạng tương đương toàn thời gian (Full Time Equivalent, viết tắt là FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên mỗi người làm việc 50 phần trăm toàn thời gian. Ngoài ra, sự bổ nhiệm được định nghĩa là một vị trí mà một nhà giáo được bổ nhiệm dựa vào hoàn cảnh, môn học, và cấp lớp. Sự ủy quyền được định nghĩa là các dịch vụ mà một nhà giáo được phép cung cấp cho học sinh.

Nguồn dữ kiện là của Hệ thống Trách nhiệm Bổ nhiệm của Tiểu bang California (California State Assignment Accountability System, viết tắt là CalSAAS) do Uỷ ban Cấp Chứng chỉ Giáo viên (Commission on Teacher Credentialing) cung cấp. Để biết thêm thông tin về các định nghĩa liệt kê bên trên, hãy tham khảo trang Updated Teacher Equity Definitions tại https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp.

Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm không đúng cách

(được coi là "không hiệu quả" theo Đạo luật ESSA)

Bảng này cho thấy con số của sự ủy quyền/bổ nhiệm giáo viên với giấy phép và giấy miễn; bổ nhiệm không đúng cách; và các vị trí còn trống giáo viên. Đối với những câu hỏi liên quan đến giấy phép, giấy miễn, và việc bổ nhiệm giáo viên không đúng cách, hãy vào trang mạng của Uỷ ban Cấp Chứng chỉ Giáo viên California tại https://www.ctc.ca.gov/.

Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm không đúng cách (Dữ kiện trong ba năm)

Sự ủy quyền/Sự bổ nhiệm	2021-22	2022-23	2023-24
Giấy phép và Giấy miễn	0.0	0.0	1.9
Bổ nhiệm không đúng cách	3.4	0.8	2.6
Các vị trí còn trống giáo viên	0.0	0.0	0.0
Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm không đúng cách	3.4	0.8	4.6

Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài lãnh vực

(được coi là "ngoài lãnh vực" theo Đạo luật ESSA)

Bảng này cho thấy con số giáo viên có chứng chỉ được cho phép nhờ vào giấp phép hoặc giấy miễn và các lựa chọn bổ nhiệm địa phương. Để biết thêm thông tin về các định nghĩa liệt kê bên trên, hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn về việc bổ nhiệm tại https://www.ctc.ca.gov/credentials/manuals.

Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài lãnh vực (Dữ kiện trong ba năm)

Chỉ dấu	2021-22	2022-23	2023-24
Giáo viên có chứng chỉ được cho phép nhờ vào giấy phép hoặc giấy miễn	1.1	0.4	0.0
Các lựa chọn bổ nhiệm địa phương	0.7	4.3	2.2
Tổng số giáo viên ngoài lãnh vực	1.9	4.7	2.2

Bổ nhiệm lớp học

Bảng này cho thấy tỷ lệ phần trăm các bổ nhiệm không đúng cách của các giáo viên dạy Anh ngữ và giáo viên không có chứng chỉ, giấp phép hoặc ủy quyền để giảng dạy. Dữ kiện về việc bổ nhiệm không đúng cách và vị trí còn trống giáo viên phải có sẵn trong văn phòng nhân sự của khu học chánh.

Bổ nhiệm lớp học (Dữ kiện trong ba năm)

Chỉ dấu	2021-22	2022-23	2023-24
Bổ nhiệm không đúng cách giáo viên dạy Anh ngữ (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp có học sinh chưa thạo Anh ngữ được dạy bởi giáo viên không được bổ nhiệm đúng cách)	3.3%	2.4%	3.3%
Không có chứng chỉ, giấy phép hoặc uỷ quyền để giảng dạy (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp được dạy bởi giáo viên không có hồ sơ uỷ quyền giảng dạy)	0.0%	0.0%	0.0%

Nguồn dữ kiện là của Hệ thống Trách nhiệm Bổ nhiệm của Tiểu bang California (California State Assignment Accountability System, viết tắt là CalSAAS) do Uỷ ban Cấp Chứng chỉ Giáo viên (Commission on Teacher Credentialing) cung cấp. Để biết thêm thông tin về các định nghĩa liệt kê bên trên, hãy tham khảo trang Updated Teacher Equity Definitions tại https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp.

Cố vấn học tập và Nhân viên yểm trợ nhà trường

Bảng này cho thấy thông tin về các cố vấn học tập và nhân viên yểm trợ ở trường và con số tương đương toàn thời gian (FTE).

Dữ kiện về tỷ lệ học sinh so với cố vấn học tập và nhân viên yểm trợ nhà trường

Năm học 2024-25	
	Tỷ lệ
Học sinh so với cố vấn học tập	418:1
Nhân viên yểm trợ nhà trường	**FTE**
Cố vấn (học tập, cách giao tiếp xã hội/ứng xử hoặc hướng nghiệp)	5.00
Giáo viên phụ trách các phương tiện truyền thông tại thư viện (quản thủ thư viện)	1.00
Nhân viên phụ trách các dịch vụ phương tiện truyền thông tại thư viện (phụ tá có kinh nghiệm)	1.00
Chuyên viên tâm lý	1.40
Cán sự xã hội	1.00
Y tá/Phụ tá sức khỏe	1.00
Chuyên viên chỉnh phát âm/ luyện ngữ/thính giác	1.00
Chuyên viên chương trình giáo dục đặc biệt (không giảng dạy)	0.00

Dữ kiện tài chánh

Dữ kiện tài chánh trình bày trong bản SARC này là từ tài khoá năm 2023-24. Thông tin mới nhất về tài khoá do tiểu bang cung cấp luôn chậm hơn hai năm so với năm học hiện tại và một năm so với hầu hết các dữ kiện khác có trong báo cáo này. Để biết thông tin chi tiết về chi phí học đường cho tất cả các khu học chánh ở California, hãy vào trang Chi phí giáo dục hiện tại & Chi tiêu cho mỗi học sinh của Bộ Giáo dục California (CDE) tại www.cde.ca.gov/ds/fd/ec. Để biết thông tin về lương của giáo viên cho tất cả các khu học chánh ở California, hãy vào trang Lương & Phúc lợi (Certificated Salaries & Benefits) của CDE tại www.cde.ca.gov/ds/fd/cs. Để tra cứu các khoản chi tiêu và lương bổng của một khu học chánh nào đó, hãy vào trang mạng của Ed-Data tại www.ed-data.org.

Dữ kiện tài chánh của khu học chánh

Bảng này cho thấy thông tin về lương của giáo viên và nhân viên hành chánh của khu học chánh và so sánh với mức lương trung bình trong tiểu bang của các khu học chánh tương tự dựa theo bảng lương. Lưu ý: Dữ kiện về lương của khu học chánh không bao gồm các phúc lợi.

Dữ kiện về lương (Năm tài khóa 2023-24)

	Khu Học Chánh Garden Grove	Khu học chánh cỡ tương tự
Lương giáo viên mức khởi đầu	$71,786	$60,862
Lương giáo viên mức giữa	$116,192	$93,575
Lương giáo viên mức cao nhất	$140,232	$125,548
Lương trung bình của hiệu trưởng trường tiểu học	$178,781	$157,644
Lương trung bình của hiệu trưởng trường trung cấp	$180,997	$165,340
Lương trung bình của hiệu trưởng trường trung học	$214,938	$182,579
Lương của tổng quản trị	$366,936	$357,064
Lương giáo viên: tỷ lệ phần trăm ngân sách	29.38%	30.36%
Lương nhân viên hành chánh: tỷ lệ phần trăm ngân sách	3.73%	4.88%

So sánh dữ kiện tài chánh

Bảng này cho thấy sự chi tiêu cho mỗi học sinh của trường từ các nguồn không bị giới hạn và lương trung bình của giáo viên của trường và so sánh với dữ kiện của khu học chánh và tiểu bang.

So sánh dữ kiện tài chánh (Năm tài khóa 2023-24)

	Chi tiêu cho mỗi học sinh từ các nguồn không bị giới hạn	Lương trung bình hàng năm của giáo viên
Trường Trung học Garden Grove	$11,629	$115,599
Khu Học Chánh Garden Grove	$11,535	$114,131
California	$11,146	$100,333
Trường và khu học chánh: tỷ lệ phần trăm khác biệt	+0.8%	+1.3%
Trường và California: tỷ lệ phần trăm khác biệt	+4.3%	+15.2%

Dữ kiện tài chánh của trường

Bảng sau đây cho thấy lương trung bình của giáo viên của trường và bảng phân tích chi tiêu cho mỗi học sinh của trường từ các nguồn không bị và bị giới hạn.

Dữ kiện tài chánh của trường

Năm tài khóa 2023-24	
Tổng chi tiêu cho mỗi học sinh	$19,804
Chi tiêu cho mỗi học sinh từ các nguồn bị giới hạn	$8,175
Chi tiêu cho mỗi học sinh từ các nguồn không bị giới hạn	$11,629
Lương trung bình hàng năm của giáo viên	$115,599

Chi tiêu cho mỗi học sinh

Các khoản chi tiêu bổ sung/bị giới hạn đến từ nguồn tiền mà việc sử dụng phải do luật pháp hoặc người tặng cho phép. Tiền mà khu học chánh hoặc hội đồng giáo dục chỉ định cho các mục đích nhất định thì không bị coi là bị giới hạn. Các khoản chi tiêu căn bản/không bị giới hạn là từ nguồn tiền mà việc sử dụng, trừ khi có hướng dẫn tổng quát, không cần phải do luật pháp hoặc người tặng cho phép.

Dữ kiện cho bản SARC năm nay do Bộ Giáo dục California và các văn phòng trường và khu học chánh cung cấp. Để có thêm thông tin về các trường và khu học chánh ở California và so sánh trường với khu học chánh, quận hạt và tiểu bang, vui lòng vào trang mạng của DataQuest tại http://dq.cde.ca.gov/dataquest. DataQuest là nguồn tài liệu trực tuyến mà có chứa thêm thông tin về trường này và so sánh trường với khu học chánh và quận hạt. Cụ thể, DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp các báo cáo về trách nhiệm giải trình (ví dụ như dữ kiện trắc nghiệm, ghi danh, học sinh tốt nghiệp trung học, học sinh bỏ học, ghi danh các môn học, việc thuê mướn nhân viên, và dữ kiện về học sinh chưa thạo Anh ngữ). Theo điều 35256 của Bộ luật Giáo dục, mỗi khu học chánh phải có sẵn bản in của bản báo cáo cập nhật hàng năm, khi có yêu cầu, vào hoặc trước ngày 1 tháng Hai.

Tất cả dữ kiện chính xác tính đến Mười Hai năm 2025.